TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 409/2019/DS-PT
Ngày: 07-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23/10/2019 và ngày 07/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2019/TLPT-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 03/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 428/2019/QĐ-PT, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1946.

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N là anh Trần Văn S (tên khác: S), sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H là ông Đặng Hồng Đ là luật sư – Văn phòng luật sư Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2.2 Ông Dương Quốc D, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D là bà Thái Thị Bích L, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Ngọc N, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhán là ông Đặng Hồng Đ là luật sư – Văn phòng luật sư Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.2. Chị Nguyễn Thị Thùy L1 (tên khác: C), sinh năm 1977;

3.3. Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1980;

Cùng địa chi: ấp Long H, xã Long Th, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B và chị L1 là ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951; địa chi: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019, ngày 30/10/2019) (có mặt).

3.4. Anh Nguyễn Viết D1 (tên khác: H), sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Thái Thị Bích L, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Chị Nguyễn Thị Bảo L2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Chị Võ Thị Thanh H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Bé Nguyễn Hoàng D2, sinh ngày 01/11/2013 (vắng mặt).

3.12. Bé Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 26/9/2017 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật cho Nguyễn Hoàng D2, Nguyễn Hoàng Q là cha ruột anh Nguyễn Bảo T, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Anh Nguyễn Long K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Anh Nguyễn Long C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Ông Lưu Quang K1, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú A, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

3.16. Anh Lưu Trọng N2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú A, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

3.17. Anh Lưu Quốc P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú A, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

3.18. Chị Lưu Thị Mai P1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú A, xã Phú V, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

3.19. Anh Nguyễn Kha L3, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú T, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.20. Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phú C, xã Phú T, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.21. Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Chòi M, xã Thông B, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

3.22. Anh Trần Văn S, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp;

3.23. Chị Nguyễn Thị Kim P2, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp;

3.24. Chị Trần Thị Bảo L4, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp;

3.25. Chị Trần Thị Bảo L5, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3.26. Bé Trần Vĩ K2, sinh ngày 05/5/2003.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp;

3.27. Chị Nguyễn Thị Đ1 (Nguyễn Thị Hồng Đ1), sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Đường 9, khu phố 1, phường Phú T, thị xã Thủ D, tỉnh Bình Dương;

3.28. Chị Nguyễn Thị L6, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Đường 9, khu phố 1, phường Phú T, thị xã Thủ D, tỉnh Bình Dương;

3.29. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật cho bé Trần Vĩ K1 và người đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Kim P2, chị Trần Thị Bảo L4, chị Trần Thị Bảo L5, chị Nguyễn Thị L6, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị Đ1 là anh Trần Văn S, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền các ngày 26/4/2018, ngày 03/5/2018 và ngày 14/8/2018) (có mặt).

3.30. Ủy ban nhân dân huyện Hồng N.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật ông Nguyễn Văn K – Chủ tịch. Địa chỉ: khóm T, thị trấn Thường Thới T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị N có anh Trần Văn S là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 11/3/1990, bà N và chồng là ông Nguyễn Công M (chết năm 2008) có mua của ông Dương Quốc D phần đất trồng lúa có diện tích 3.000m^2, với giá là 600 giạ lúa. Đến ngày 25/9/1995, bà N tiếp tục mua thêm phần đất trồng lúa của ông Nguyễn Văn H có diện tích 1.100m^2, với giá 16 chỉ vàng 24kra. Hai phần đất bà N, ông M mua đều nằm liền kề nhau và thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp và có làm giấy tay mua bán. Tổng diện tích đất bà N mua được là 4.100m^2 (theo sơ đồ đo đạc thực tế là 4.154m^2) đều do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1996 bà N giao lại toàn bộ phần đất đã mua cho anh canh tác đến nay và không có ai tranh chấp. Năm 2004 anh và vợ là Nguyễn Thị H (đã chết) cố lại cho ông Nguyễn Văn N1 phần đất có diện tích là 2.000m^2 (nằm trong phần đất 3.000m^2 mua của ông D) và hiện tại phần đất bà N mua của ông H, ông D thì bà N và anh đã trang trãi thành một ô đất, sau đó khi cố đất cho ông N1 thì anh có làm đường bờ để phân chia đất cố và đất anh S sử dụng), giá cố là 30 chỉ vàng 24kra, thời hạn cố là 03 năm, đến

nay anh chưa chuộc đất lại, việc cố đất có làm giấy tờ. Giữa anh và ông N1 không có tranh chấp việc cố đất.

Năm 2007, anh đến Ủy ban nhân dân xã Long T để đăng ký quyền sử dụng đất thì địa chính xã Long T trả lời phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H nên bà N đến gặp ông H yêu cầu phải sang tên toàn bộ 4.100m^2 đất cho bà N và ông H cũng thống nhất sang tên nhưng ông H kỳ kèo không chịu sang tên với lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng để vay tiền nên không làm thủ tục sang tên cho bà N được.

Ngày 13/4/2016, bà N có nộp đơn thưa đến Ủy ban nhân dân xã Long T và đã hòa giải thành. Theo đó, ông H thống nhất làm thủ chuyển nhượng 4.100m^2 đất cho bà N chậm nhất là ngày 13/9/2016 nhưng sau đó ông H lại không sang tên quyền sử dụng đất lại cho bà N theo biên bản hòa giải thành. Ngày 27/10/2016, Ủy ban xã có mời ông H và bà N đến hòa giải lần 2 thì ông H không đến dự mà vợ ông H là bà Lê Ngọc N đến dự và đã hứa với Hội đồng hòa giải xã là 01 năm nữa sẽ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho anh, vì hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền nhưng sau đó vẫn không thực hiện.

Nay bà Trần Thị N yêu cầu ông D, ông H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/1990, ngày 25/9/1995 và buộc ông D, ông H có trách nhiệm làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà N phần đất có diện tích 4.154m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét về thiệt hại phát sinh của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/1990 và ngày 25/9/1995 giữa các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh S có yêu cầu hủy một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông D đã chuyển nhượng cho bà N là 3.000m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01 do ông H đứng tên nhưng tại phiên tòa thì anh không yêu cầu nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 nguyên đơn bà Trần Thị N, trình bày: Không nhớ ngày tháng năm bà có mua lại đất từ ông D phần đất có diện tích 3.000m^2, có làm giấy tay, bà biết phần đất này là do cha mẹ ông D chia cho ông D, sau khi sử dụng đất một thời gian thì cho đất và giao giấy tờ lại cho anh S. Hiện tại phần đất này và phần đất mua của ông H, bà cũng cho hết cho anh S. Nay ông H kiện ông D yêu cầu trả lại 3000m^2 đất bà đã mua, giả sử Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H thì việc thưa kiện, tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông D thì tùy anh S quyết định, vì đất đã cho anh S rồi nhưng ông H, ông D chưa

sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nên bà ủy quyền cho anh S khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông D, ông H sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất mà bà đã mua.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Vợ ông là bà Lê Ngọc N, ông và bà N có ba người con là chị Nguyễn Thị Thùy L1, anh Nguyễn Ngọc B, anh Nguyễn Viết D1 nhưng anh D1 thì ông đã cho chị ruột tên X nhận làm con nuôi từ nhỏ. Năm 2018 thì 03 người con của ông ta đã tách hộ khẩu. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do cha mẹ ông để lại vào năm 1976, cha ông có làm di chúc. Cha ông để lại cho ông tổng cộng 21,6 công đất ruộng và 31 công đất vườn. Sau khi được cho đất ông chỉ làm đất vườn còn đất ruộng thì cho người khác mướn, còn 3.000m^2 đất bà N khởi kiện yêu cầu ông D sang tên cho bà N là của ông cho ông D mượn. Sau khi được cho đất ông có làm được 01- 02 năm thì ông cho ông D mượn 06 công đất để canh tác và sau đó mới biết ông D bán cho bà N 03 công, bán cho ông Đ 03 công và đã được cấp giấy đỏ cho ông K nhưng tại phiên tòa thì ông H lại trình bày ông cho ông D mượn đất vào ngày 25/01/1990, vì ông D nghèo, không nói thời hạn trả, ông D nói khi nào "khá" sẽ trả lại đất, việc cho mượn đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ, không có ai chứng kiến. Việc ông D bán phần đất ông cho mượn cho bà N thì ông không hay biết nhưng nhà ông vẫn ở Long T, ông làm đất vườn cách đất ruộng khoảng 500m và đất ruộng của ông thì phía ngoài, phía trong đều giáp ranh với đất cho ông D mượn. Việc anh S sử dụng đất ông cũng không hay biết chỉ khi thưa kiện ở Ủy ban nhân dân xã ông mới biết. Ngoài cho ông D mượn đất ông cũng có cho ông Võ Văn C là anh em chú bác mượn 04 công đất, ông Dương Quốc H là anh ruột ông D mượn 04 công đất ở ấp Long H, xã Long T có các cô ông là bà Nguyễn Thị M (đã chết), bà Nguyễn Thị K (đã chết) biết. Không nhớ ngày tháng năm, ông có chuyển nhượng cho bà N 1.100m^2, khi đo đạc đất để chuyển nhượng cho bà N ông cũng không biết phần đất 3.000m^2 cho ông D mượn đã bán lại cho bà N, cả hai phần đất này liền kề nhau và thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà N khởi kiện yêu cầu thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Ông thống nhất một phần yêu cầu của bà N, ông thống nhất chuyển phần của ông chuyển nhượng ngày 25/9/1995 phần đất có diện tích 1.100m^2, còn 3.000m^2 đất của ông cho ông D mượn thì ông không thống nhất, ông yêu cầu ông D trả lại cho ông 3.000m^2 đất thuộc một phần thửa số 1224, tờ bản đồ số 01 do ông đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không yêu cầu nào khác. Ông cho ông D mượn đất, ông D lấy đất ông cho mượn bán cho bà N với giá 600 giạ lúa nên ông đòi ông D trả lại đất, còn bà N mua đất thì bà N và ông

D tự giải quyết, ông không có ý kiến. Lúc mua bán đất với bà N thì bà N không có yêu cầu ông chuyển nhượng quyền sử dụng, do nay bà N yêu cầu ông làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên ông mới tranh chấp và kiện ông D đòi lại 3.000m^2 đất nếu bà N không kiện ông thì ông cũng không khởi kiện ông D và để cho anh S tiếp tục sử dụng đất.

Bị đơn ông Dương Quốc D trình bày: Ông và ông H là anh em họ, ông kêu ông H bằng anh. Nguồn gốc đất ông chuyển nhượng cho bà N, ông M là ông mua của dì sáu tên là sáu Còn đã chết và dì tám B đã chết, không biết họ tên, năm sinh cũng là cô ruột của ông H, mua vào khoảng năm 1976-1977 có diện tích 06 công (6.000m^2), việc mua bán có làm giấy tay nhưng hiện không còn giữ. Ông sử dụng đất từ năm 1976-1977 cho đến năm 1990 ông chuyển nhượng lại cho ông Khưu Văn L là 03 công (3.000m^2) và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Công M (đã chết) và vợ là bà N là 03 công, việc mua bán đất có làm giấy tay, giá bán đất trong giấy tờ mua bán là 600 giạ lúa nhưng ở ngoài là đưa bằng tiền, không nhớ bao nhiêu tiền. Vị trí đất ông chuyển nhượng cho bà N, ông M là hướng Đông giáp đất ông H, hướng Tây giáp đất ông Khưu Hữu Đ, hướng Nam giáp đất ông Hồ Quang D, hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn C. Sau khi chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà N và ông L thì đất của ông còn dư lại một phần có diện tích hơn 01 công (hơn 1.000m^2) nhưng ông không nhận, vì lúc ông mua đất chỉ có 06 công nên dư ông trả lại cho dì tám và khoảng vài năm sau thì ông H lấy đất sử dụng và chuyển nhượng lại phần đất đó cho ông M, bà N. Ông chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà N trước còn ông H chuyển nhượng sau. Việc ông H đứng tên quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà N thì ông không biết. Khi bà N cho phần đất đã mua của ông và ông H cho vợ chồng anh S thì anh S yêu cầu làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất thì ông mới biết đất ông sử dụng và chuyển nhượng cho vợ chồng bà N do ông H đứng tên quyền sử dụng đất. Khi xã hòa giải ông thống nhất làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh S phần đất đã chuyển nhượng là 3.000m^2 và ông H cũng đồng ý chuyển nhượng phần đất hơn 01 công (hơn 1.000m^2) đã bán cho vợ chồng bà N nhưng ông H nói chờ con tên B lấy giấy đỏ đem về mới làm thủ tục sang tên nhưng sau đó không làm. Nay đất đã bán rồi, ông thống nhất làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất có diện tích 3.000m^2 cho anh S. Ông không tranh chấp với ông H nhưng đất ông H đứng tên là không đúng, ông không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đang đứng tên phần đất ông đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà N. Do lớn tuổi nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và các phiên tòa xét xử tại Tòa án các cấp. Nếu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất giữa ông và bà N, ông cũng không có yêu cầu hay tranh chấp gì với bà N, ông H. Còn việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H thì bà N làm gì thì làm, ông không có yêu cầu. Việc ông H yêu cầu ông trả lại 3.000m^2 đất thì ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H. Vì đất là của ông và ông đã bán cho bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc N trình bày: Bà là vợ ông H. Nguồn gốc đất đang tranh chấp là ông nội chồng là Nguyễn Tấn T để lại cho cha chồng là Nguyễn Văn T, sau đó để lại cho ông H có diện tích 50 công, không nhớ ông H được cho đất khi nào và trong đó có 20 công là vợ chồng bà mua của bà T, ông B với giá 4.000.000đ, có làm giấy nhưng giờ không còn giữ. Hiện bà T, ông B, không biết họ tên, năm sinh đầy đủ và đã chết, còn con cháu của bà T, ông B ở đâu cũng không biết. Phần đất ông D bán lại cho vợ chồng bà N là ông nội chồng bà để lại 06 công đất cho ông D làm, bà nhớ ông D sử dụng đất sau năm 1975 rồi bán lại cho vợ chồng bà N 03 công và bán cho người khác 03 công. Việc ông nội chồng cho ông D đất làm là phần đất của vợ chồng bà mua của bà T, ông B nhưng sau đó bà nghe nói ông D cũng mua lại phần đất mà bà T đã bán cho vợ chồng bà trước đó nhưng lúc đó vợ chồng bà không có ý kiến hay nói gì về việc ông D mua đất của bà T. Khi ông nội chồng cho đất ông D làm là cho mượn không phải cho luôn nhưng không nói khi nào trả lại, chỉ nói khi nào ông D "khá" thì trả lại và lúc đó vợ chồng bà không có phản đối hay có ý kiến gì nhưng ông D trả đất lại hay không là quyền của ông D. Bà có đến Ủy ban nhân dân xã trình bày quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng nên không sang tên cho bà N 1.100m^2 đất khi nào chuộc lại sẽ sang tên cho bà N, không phải sang tên 3.000m^2 đất ông D đã bán cho vợ chồng bà N và thưa kiện ra vợ chồng bà mới biết là ông H được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đường nước (phía trong) là đất của bà, giáp ranh 03 công đất của ông D đã bán cho bà N. Bà biết ông D có mượn đất nhưng là ông nội chồng cho mượn, chồng bà không có quyền gì hết. Sau khi ông nội chồng chết cha chồng đứng tên quyền sử dụng đất rồi mới đưa lại cho ông H. Bà thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng 1.100m^2 đất cho bà N, còn 3.000m^2 thì không thống nhất, vì không có bán, lúc trước ở xã hứa chuyển nhượng là vì không biết ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay biết ông H đứng tên nên kiện đòi lại 3.000m^2 đất.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Ông không có quan hệ bà con, chỉ là hàng xóm, không có mâu thuẫn với anh S, ông H, ông D. Vào năm 2004 anh S có cố cho ông 02 công đất ruộng, không biết số thửa, tờ bản đồ, ai đứng tên quyền sử dụng

đất chỉ biết đất giáp với đất ông K, giá cố là 30 chỉ vàng 24kra, vàng 10 tuổi, việc cố đất có làm giấy tay, thời hạn cố là 02 năm nhưng đến nay anh S không chuộc đất lại nên ông vẫn tiếp tục canh tác đất. Nguồn gốc đất anh S cố cho ông là của bà N, ông M là cha mẹ vợ anh S cho vợ chồng anh S, còn nguồn gốc đất của ông H, ông D chuyển nhượng cho bà N là của ai thì ông không biết nhưng ông biết đất hiện đang tranh chấp là ông D canh tác, không biết diện tích ông D canh tác bao nhiêu và sử dụng từ khi nào, chỉ nhớ ông D làm rất lâu, sau đó thấy anh S canh tác, rồi anh S cố lại cho ông 02 công như hiện nay. Nếu anh S không chuộc đất lại thì ông tiếp tục canh tác, khi nào anh S muốn chuộc đất lại thì chuộc, ông không tranh chấp hay đòi lại vàng cố đất với anh S nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không biết gì nữa, không trình bày gì thêm.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q1 trình bày: Chị là con của bà Trần Thị N, ông Nguyễn Công M (đã chết năm 2008), cha mẹ chị có 10 người con gồm. 1. Nguyễn Thị Hồng M (không nhớ chết năm nào, có chồng tên là Lưu Quang K1, con là Lưu Trọng N2, Lưu Quốc P và Lưu Thị Mai P1); 2. Nguyễn Thị Hồng Đ1; 3. Nguyễn Thị H (đã chết năm 2007, vợ anh S); 4. Chị Nguyễn Thị Hồng V; 5. Chị Nguyễn Thị Hồng H1; 6. Chị Nguyễn Thị Q1; 7. Chị Nguyễn Thị L6; 8. Anh Nguyễn Long K; 9. Anh Nguyễn Kha L3; 10. Anh Nguyễn Long C.

Khi cha còn sống thì cha mẹ đã chia đất và tài sản hết cho các con. Phần đất của cha mẹ chị mua của ông H có diện tích 1.100m^2, với giá 16 chỉ vàng 24kra, mua của ông D diện tích 3.000m^2, với giá 600 giạ lúa, chị nhớ việc mua bán có làm giấy tay, cụ thể như thế nào thì không nhớ rõ, không nhớ ngày tháng năm mua, lúc mua đất có những ai, chỉ biết đất mua ở xã Long T, huyện Hồng N. Không nhớ ngày tháng năm thì cha mẹ cho lại vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn S toàn bộ số đất mua của ông D, ông H, khi cha mẹ mua đất không ai tranh chấp hay khiếu nại gì, cũng không biết vì sao sau khi mua đất cha mẹ chị không yêu cầu ông D, ông H làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Nhà ông D và ông H cách nhà cha mẹ chị khoảng 200m-300m. Khi chị H bệnh anh S đã cố phần đất trên nhưng không biết cố cho ai. Nay cha chị là ông M đã chết, mẹ là bà N còn sống và còn minh mẫn. Việc mẹ chị khởi kiện yêu cầu ông H, ông D làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để mẹ chị sang tên lại cho anh S đứng tên, chị không có tranh chấp hay chia thừa kế tài sản đối với phần đất hiện anh S đang quản lý, sử dụng, vì cha mẹ chị đã chia đất cho vợ chồng anh S rồi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất ông H, ông D đã chuyển nhượng. Ngoài ra, không còn trình bày gì thêm.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Kha L3 trình bày: Anh có đọc lại biên bản lấy lời khai của chị Q1 và anh thống nhất những gì chị Q1 trình bày, không bổ sung gì thêm. Phần đất cha mẹ anh mua của ông D, ông H thì cha mẹ đã chia cho vợ chồng anh S nên anh không có tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất cha mẹ đã cho vợ chồng anh S. Việc mẹ anh khởi kiện yêu cầu ông D, ông H làm thủ tục sang tên cho mẹ anh là để mẹ anh sang tên lại cho anh S. Anh thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất đã mua của ông D, ông H.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày: Chị đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai của chị Q1, anh L3. Chị thống nhất những gì em chị là chị Q1 đã khai, thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất mua của ông D, ông H. Ngoài ra, không còn trình bày gì thêm.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Long K trình bày: Anh đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai của chị Q1. Anh thống nhất những gì chị Q1 đã khai. Đất cha mẹ anh mua của ông D, ông H cụ thể như thế nào anh không rõ, anh không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất đã mua của ông H, ông D. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Theo hồ sơ án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Long C trình bày: Anh đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai của chị Q1 và anh chị em còn lại. Anh thống nhất những gì chị Q1 đã khai, không bổ sung gì thêm. Đất cha mẹ mua của ông D, ông H cụ thể như thế nào anh không rõ. Anh không có tranh chấp gì với anh Sang hay chia thừa kế đối với phần đất mua của ông H, ông D nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và thống nhất để bà N đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, không bổ sung gì thêm.

Ông Lưu Quang K1, anh Lưu Trọng N2, anh Lưu Quốc P và chị Lưu Thị Mai P1 không có ý kiến đối với yêu cầu của các đương sự và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án với lý do là không liên quan vì đến vụ án.

Ủy ban nhân dân huyện Hồng N, do ông Nguyễn Văn K đại diện không có ý kiến đối với yêu cầu của các đương sự và có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N.

Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị N với ông Dương Quốc D vào ngày 11/3/1990 và với ông Nguyễn Văn H vào ngày 25/9/1995 đối với phần đất có diện tích là 4.154m^2 thuộc một phần thửa số 1224, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp là hợp pháp.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị N đối với phần đất theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 24/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng N, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1, có diện tích 4.154m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất có số vào sổ quản lý số H001777, cấp ngày 24/4/2007 đất tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông H, bà N được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích đất 4.154m^2 thuộc phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2018; sơ đồ trích đo ngày 24/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Dương Quốc D trả lại phần đất có diện tích 3.000m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng 4.904.000đ do Trần Văn S đại diện cho bà N đã tạm ứng và chi xong nên buộc ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho bà Trần Thị N 4.904.000đ (Bốn triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Quốc D chịu 300.00đ, ông Nguyễn Văn H chịu 600.000đ nhưng ông D, ông H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn chịu tiền án phí theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu ông Dương Quốc D trả lại cho ông Hoàng 3.000m^2 đất, thửa số 1224, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, do ông H đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H là bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu ông Dương Quốc D trả lại cho ông H 3.000m^2 đất thuộc một phần thửa số 1224, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Long H, xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp, do ông H đứng tên quyền sử dụng đất.

Anh Trần Văn S giữ nguyên nội dung trình bày của bà N, yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Thái Thị Bích L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn D trình bày, yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc N, giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông H.

Luật sư Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà N đề cập và nhận định phần đất 3.000m^2 của ông D chuyển nhượng cho bà N là của ông H cho ông D mượn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H vì phần đất này ông H được Nhà nước cấp giấy chủ quyền hợp pháp, phải được Nhà nước bảo hộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ váo kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nhớ yêu cầu ông D thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) theo giấy viết tay ngày 11/3/1990 diện tích 3.000m^2 đất lúa và ông H theo giấy viết tay ngày 25/9/1995 diện tích đất lúa 1.100m^2 (đo thực tế tổng 02 phần này là 4.154m^2) cùng là 01 phần của thửa số 1224, tờ 01, tại xã Long T, huyện Hồng N, giấy đất cấp cho hộ ông H ngày 24/4/2007; đất đang do bà N (con rễ bà N là anh S) quản lý, sử dụng.

[2] Nguồn gốc là 01 phần trong tổng số đất của cụ T (là ông nội ông H, ông ngoại ông D) cho bà T là cô ông H, bà T nhượng lại cho ông D có diện tích chung 06 công (6.000m^2) sử dụng từ năm 1976, đến năm 1990 đã bán cho ông L 03 công (3.000m^2) ông L (cháu ông L tên K) đã được cấp giấy rồi và bán tiếp cho bà N 3.000m^2, số thừa còn lại 1.100m^2 ông D trả lại cho bà T, nhưng vì ông H cũng có mua 01 phần đất của bà T nên ông H sử dụng luôn phần 1.100m^2 này, đến năm 1995 ông H chuyển nhượng phần 1.100m^2 này cho bà N; bà N mua giấy tay, không đăng ký, ông H kê khai đăng ký đất ông H còn lại kê khai bao gồm luôn đất 3.000m^2 của bà N mua của ông D và 1.100m^2 mua của ông H chung trong cùng thửa đất 1224 của ông H.

[3] Nay ông D đồng ý làm thủ tục chuyển cho bà N, nhưng giấy ông H đứng tên nên không làm thủ tục được; ông H cho là 3.000m^2 ông D bán cho bà N là đất ông cho mượn năm 1990, nay ông H yêu cầu ông D trả cho ông, nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi bà N là vợ ông H khai nhận đất này ông D mua của bà T trước khi vợ chồng bà mua đất của bà T hoặc có lời khai khác rằng đất là của ông nội T cho ông D hay cho mượn cũng là ông T cho mượn chứ không phải của ông H cho mượn, ông H không có quyền đòi đất này; cũng như sau khi chuyển nhượng cho 02 người, số dư còn lại 1.100m^2 ông D trả lại, ông H cũng đã nhận lấy sử dụng và bán lại bà N, chứng tỏ ông H hiểu biết rõ đây là phần đất của ông D nên ông D giao dịch ông H không tranh chấp, chứ không phải ông H không hay biết như lời ông H khai nại.

[4] Từ nguồn gốc và diễn biến của quá trình sử dụng, chuyển dịch nêu trên cho thấy, tuy ông H kê khai đứng tên giấy, nhưng đất thực tế là của ông D là có căn cứ; tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H đất thực tế do người khác sử dụng, chứng tỏ việc cấp giấy cho ông H phần diện tích đất này là không phù hợp pháp luật. Cho nên án sơ thẩm quyết định tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà N như trên là phù hợp pháp luật.

[5] Ý kiến của luật sư Đ đề cập nhận định và đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Kiểm sát viên đã phát biểu về tố tụng của vụ án được thực hiện đúng pháp luật; về nội dung đã đề cập nhận định các tình tiết của vụ án và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Từ những nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, không chấp nhận yêu cầu của ông H là phù hợp; ông H kháng cáo đưa ra những chứng cứ lời lẽ không phù hợp nên

không được chấp nhận; nên cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, nội dung quyết định án sơ thẩm tuyên không chính xác rõ ràng, cấp phúc thẩm cần phải sửa cách tuyên cho cụ thể.

[8] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định, nhưng do ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên thuộc trường hợp được chấp nhận miễn án phí theo quy định.

[9] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 129, điểm b Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 20 của Luật đất đai năm 1993; điểm b.2 Mục 2.3 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 16/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N đối với ông Dương Quốc D và ông Nguyễn Văn H.

3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị N với ông Dương Quốc D ký kết ngày 11/3/1990 và với ông Nguyễn Văn H ký kết ngày 25/9/1995 đối với 02 phần đất gộp chung có diện tích (theo đo đạc thực tế) là 4.154m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp. Đất hiện trạng đang do bà N quản lý sử dụng.

Vị trí, hình thể, số đo phần đất này được xác định theo mãnh trích đo ngày 24/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng N, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 trở về mốc M1, có diện tích 4.154m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận QSDĐ: H001777, cấp ngày 24/4/2007 đất tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Trần Thị N được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích đất 4.154m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp đã nêu trên.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2018; sơ đồ mốc ngày 06/4/2018 và mãnh trích đo địa chính số: 01/2018 ngày 24/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp).

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông Dương Quốc D trả lại phần đất có diện tích 3.000m^2 thuộc một phần thửa đất số 1224, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã Long T, huyện Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp trả lại cho bà Trần Thị N toàn bộ số tiền 4.904.000đ (Bốn triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự:

+ Ông Dương Quốc D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm,

+ Ông Nguyễn Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Hồng N;
- CCTHADS huyện Hồng N;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương